TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2023
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài.
Bà Đào Thị Giang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mỹ L, sinh năm: 1990.
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Anh C, sinh năm: 1988.
Địa chỉ: Số 30 đường 52, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản làm việc có trong hồ sơ vụ án, chị Trần Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Anh C tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau nên chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện Trảng Bom và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau và anh chị đã sống riêng 02 năm nay; hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Ngày 05/4/2023, chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Anh C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị được ly hôn với anh C. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị L phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Trần Thị Mỹ L nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Anh C, sinh năm: 1988, địa chỉ: Số 30, đường 52, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Chị L nộp đơn đúng trình tự thủ tục nên được thụ lý, giải quyết.

Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh C tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 24/KH ngày 03/3/2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh C, hiện không còn quan tâm đến nhau, hôn nhân không hạnh phúc, đã sống riêng 02 năm nay. Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập anh C để làm việc nhưng anh C vắng mặt không có lý do, thể hiện việc anh C không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn giữa anh C với chị L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh C là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2010); Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ L về việc *"Ly hôn"* với anh Nguyễn Anh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Nguyễn Anh C.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002444 ngày 17/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Chị Trần Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí.

4. Chị Trần Thị Mỹ L, anh Nguyễn Anh C có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAT, THA,VKS;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương